

Số: /TB-UBND

Nguyễn Giáp, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Danh mục Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của phòng Kinh tế

UBND xã thực hiện niêm yết công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Phòng Kinh tế gồm 35 lĩnh vực, 144 TTHC. Cụ thể:

1. Lĩnh vực Đường bộ, gồm 02 TTHC;
2. Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy, gồm 25 TTHC;
3. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng, gồm 06 TTHC;
4. Lĩnh vực Nhà ở và công sở, gồm 01 TTHC;
5. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc, gồm 01 TTHC;
6. Lĩnh vực Bảo hiểm, gồm 01 TTHC;
7. Lĩnh vực thành lập và hoạt động, Hỗ trợ của tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX, gồm 26 TTHC;
8. Lĩnh vực Quản lý công sản, gồm 04 TTHC;
9. Lĩnh vực Thuế, phí, lệ phí, gồm 02 TTHC;
10. Lĩnh vực Tài chính đất đai, gồm 03 TTHC;
11. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh), gồm 07 TTHC;
12. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương, gồm 01 TTHC;
13. Lĩnh vực Kinh doanh khí, gồm 03 TTHC;
14. Lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước, gồm 09 TTHC;
15. Lĩnh vực TSKCHT chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý, gồm 02 TTHC;
16. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, gồm 01 TTHC;
17. Lĩnh vực Biển và hải đảo, gồm 05 TTHC;
18. Lĩnh vực Chăn nuôi, gồm 02 TTHC;
19. Lĩnh vực Đất đai, gồm 13 TTHC;
20. Lĩnh vực Giảm nghèo, gồm 05 TTHC;
21. Lĩnh vực Kiểm lâm, gồm 02 TTHC;
22. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, gồm 01 TTHC;
23. Lĩnh vực Môi trường, gồm 01 TTHC;

24. Lĩnh vực Nông nghiệp, gồm 01 TTHC;
25. Lĩnh vực Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai, gồm 02 TTHC;
26. Lĩnh vực Tài nguyên nước, gồm 01 TTHC;
27. Lĩnh vực Thủy lợi, gồm 07 TTHC;
28. Lĩnh vực Thủy sản, gồm 03 TTHC;
29. Lĩnh vực Trồng trọt, gồm 01 TTHC;
30. Lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu, gồm 01 TTHC;
31. Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, gồm 01 TTHC;
32. Lĩnh vực Thú y, gồm 01 TTHC;
33. An toàn đập, hồ chứa thủy điện, gồm 02 TTHC;
34. Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác, gồm 02 TTHC;
35. Lĩnh vực Lâm Nghiệp, gồm 02 TTHC.

Chi tiết Danh mục Thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã Nguyên Giáp và đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử xã Nguyên Giáp tại địa chỉ: nguyengiap.haiphong.gov.vn

Vậy, UBND xã thông báo để các tổ chức, cá nhân biết và theo dõi./.

Nơi nhận:

- TV Đảng ủy, TT HĐND;
- Phòng chuyên môn xã;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu VT.

**THUNG TÂM PHỤC VỤ HCC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Bình

PHÒNG KINH TẾ - 35 LĨNH VỰC - 144 TTHC

STT	Mã chuẩn	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Mức độ
1	2.000206.H24	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cung cấp thông tin trực tuyến
2	2.001384.H24	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	Cung cấp thông tin trực tuyến
3	2.001247.000.00.00.H24	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản	Bán đấu giá tài sản	Toàn trình
4	1.005412.H24	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm	Một phần
5	3.000443.H24	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Toàn trình
6	3.000440.H24	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Toàn trình
7	3.000439.H24	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Toàn trình
8	3.000442.H24	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Toàn trình
9	3.000441.H24	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Toàn trình

10	1.012836.000.00.00.H24	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	Toàn trình
11	1.012837.000.00.00.H24	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	Toàn trình
12	2.002096.000.00.00.H24	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	Công nghiệp địa phương	Toàn trình
13	1.012818.H24	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	Toàn trình
14	1.013979.H24	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	Toàn trình

15	1.013978.H24	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai	Toàn trình
16	1.013967.H24	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai	Toàn trình
17	1.013965.H24	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Đất đai	Một phần
18	1.013962.H24	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước	Đất đai	Một phần

		giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở		
19	1.013949.H24	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	Một phần

20	1.013952.H24	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Đất đai	Một phần
21	1.013953.H24	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai	Một phần
22	1.013950.H24	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai	Một phần
23	1.012812.000.00.00.H24	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai	Một phần
24	1.012753.000.00.00.H24	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai	Toàn trình
25	1.012796.000.00.00.H24	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai	Một phần
26	1.012817.H24	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai	Một phần
27	1.013274.H24	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	Toàn trình
28	1.013061.H24	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Một phần
29	1.009456.000.00.00.H24	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Toàn trình

30	2.001711.000.00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Đường thủy nội địa	Một phần
31	1.004002.000.00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	Một phần
32	1.003970.000.00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	Một phần
33	1.003930.000.00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	Toàn trình
34	2.001659.000.00.00.H24	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	Một phần
35	1.004088.000.00.00.H24	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Một phần
36	1.004047.000.00.00.H24	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Một phần
37	1.004036.000.00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Một phần
38	1.005040.000.00.00.H24	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Đường thủy nội địa	Một phần
39	1.006391.000.00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Đường thủy nội địa	Một phần
40	1.009454.000.00.00.H24	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Toàn trình

41	2.001217.000.00.00.H24	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Đường thủy nội địa	Toàn trình
42	2.001214.000.00.00.H24	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa	Một phần
43	2.001218.000.00.00.H24	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Đường thủy nội địa	Toàn trình
44	2.001215.000.00.00.H24	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Đường thủy nội địa	Một phần
45	1.009452.000.00.00.H24	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Toàn trình
46	2.001212.000.00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa	Một phần
47	2.001211.000.00.00.H24	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa	Một phần
48	1.009453.000.00.00.H24	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Đường thủy nội địa	Toàn trình
49	1.009444.000.00.00.H24	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Toàn trình

50	1.009455.000.00.00.H24	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Đường thủy nội địa	Toàn trình
51	1.003658.000.00.00.H24	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Toàn trình
52	1.009447.000.00.00.H24	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Toàn trình
53	3.000412.H24	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo	Một phần
54	1.002372.000.00.00.H24	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	Hàng Hải	Một phần
55	1.013229.H24	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Hoạt động xây dựng	Toàn trình
56	1.013232.H24	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Toàn trình

57	1.013227.H24	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Toàn trình
58	1.013228.H24	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Toàn trình
59	1.013225.H24	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Toàn trình
60	1.013226.H24	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình	Hoạt động xây dựng	Toàn trình

		theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1		
61	1.012694.000.00.00.H24	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm	Toàn trình
62	1.012695.000.00.00.H24	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm	Toàn trình
63	2.001283.000.00.00.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí	Toàn trình
64	2.001270.000.00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí	Toàn trình
65	2.001261.000.00.00.H24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí	Toàn trình
66	1.003434.000.00.00.H24	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Toàn trình
67	1.011471.000.00.00.H24	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Lâm nghiệp	Toàn trình
68	1.012531.000.00.00.H24	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp	Toàn trình
69	2.001240.000.00.00.H24	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu do trường hợp bị mất, tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần bị rách, nát, bị cháy	Lưu thông hàng hóa trong nước	Toàn trình

70	2.000633.000.00.00.H24	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	Toàn trình
71	2.000620.000.00.00.H24	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Toàn trình
72	1.001279.000.00.00.H24	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy	Lưu thông hàng hóa trong nước	Toàn trình
73	2.000629.000.00.00.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	Toàn trình
74	2.000615.000.00.00.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	Toàn trình
75	2.000181.000.00.00.H24	Cấp Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Toàn trình
76	2.000162.000.00.00.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Toàn trình
77	2.000150.000.00.00.H24	Cấp lại Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Toàn trình
78	1.004082.000.00.00.H24	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Môi trường	Toàn trình
79	1.010736.000.00.00.H24	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường	Một phần
80	1.012888.H24	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở	Toàn trình
81	1.003605.000.00.00.H24	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	Nông nghiệp	Một phần
82	1.003596.000.00.00.H24	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp	Một phần
83	3.000327.H24	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	Toàn trình
84	3.000325.H24	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	Một phần
85	3.000410.H24	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	Quản lý công sản	Toàn trình

86	3.000326.H24	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Quản lý công sản	Toàn trình
87	1.010091.000.00.00.H24	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Toàn trình
88	1.010092.000.00.00.H24	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Toàn trình
89	1.002662.000.00.00.H24	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Toàn trình
90	1.012995.H24	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Tài chính đất đai	Một phần
91	1.012996.H24	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Tài chính đất đai	Một phần
92	1.001662.000.00.00.H24	Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp huyện)	Tài nguyên nước	Toàn trình
93	1.012568.H24	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	Một phần
94	1.012569.H24	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	Một phần
95	2.001199.000.00.00.H24	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Toàn trình

96	2.002228.000.00.00.H24	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Một phần
97	2.002226.000.00.00.H24	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Một phần
98	1.005280.000.00.00.H24	Đăng ký thành lập hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
99	2.002123.000.00.00.H24	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
100	1.005277.000.00.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
101	1.005378.000.00.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
102	2.001973.000.00.00.H24	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
103	1.004982.000.00.00.H24	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
104	2.001958.000.00.00.H24	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
105	1.005377.000.00.00.H24	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
106	1.005010.000.00.00.H24	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
107	1.004901.000.00.00.H24	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần

108	2.002646.000.00.00.H24	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
109	2.002636.000.00.00.H24	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
110	2.002635.000.00.00.H24	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
111	2.002637.000.00.00.H24	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
112	2.002638.000.00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
113	2.002639.000.00.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
114	2.002640.000.00.00.H24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
115	2.002641.000.00.00.H24	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
116	2.002642.000.00.00.H24	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
117	2.002643.000.00.00.H24	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần

118	2.002644.000.00.00.H24	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
119	2.002645.000.00.00.H24	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
120	2.002648.000.00.00.H24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
121	2.002649.000.00.00.H24	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
122	2.002650.000.00.00.H24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
123	1.004979.000.00.00.H24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
124	2.000575.000.00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Toàn trình
125	1.001612.000.00.00.H24	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Toàn trình
126	2.000720.000.00.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Toàn trình
127	1.001570.000.00.00.H24	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Toàn trình
128	1.001266.000.00.00.H24	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Toàn trình
129	1.013997.H24	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y	Cung cấp thông tin trực tuyến
130	1.013768.H24	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi	Toàn trình

131	2.001621.000.00.00.H24	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi	Toàn trình
132	1.003471.000.00.00.H24	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	Thủy lợi	Toàn trình
133	2.001627.000.00.00.H24	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi	Toàn trình
134	1.003347.000.00.00.H24	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	Thủy lợi	Toàn trình
135	1.003440.000.00.00.H24	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	Toàn trình
136	1.003446.000.00.00.H24	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	Toàn trình
137	1.004478.000.00.00.H24	Công bố mở cảng cá loại 3	Thủy sản	Toàn trình
138	1.003956.000.00.00.H24	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	Toàn trình
139	1.004498.000.00.00.H24	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	Toàn trình

140	1.008004.000.00.00.H24	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt	Toàn trình
141	1.01304.H24	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Thuế, phí và lệ phí	Toàn trình
142	1.008603.H24	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Thuế, phí và lệ phí	Toàn trình
143	1.013128.H24	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	Ứng phó sự cố tràn dầu	Toàn trình
144	2.002620.000.00.00.H24	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Toàn trình